

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2020.

Về việc: “*Tranh chấp về Ly hôn; Nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Dân;
2. Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về ly hôn; Nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê T, sinh năm 1989;

Hộ khẩu: Tổ 13 ấp V, xã H, huyện C, An Giang.

Tạm trú: Tổ 15 ấp K, xã A, huyện M, An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Tổ 13 ấp V, xã H, huyện C, An Giang.

(Vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn B, đã tổng đạt hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê T và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau: Chị Lê T sống chung với anh Nguyễn Văn B từ năm 2008, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H (giấy đăng ký kết hôn số 22 ngày 05/02/2010). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B thường

đi làm xa nhà, không quan tâm vợ con và có người phụ nữ bên ngoài, không tôn trọng và tin tưởng nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân nhau. Vợ chồng chung sống có 02 con tên Nguyễn Quốc M sinh ngày 28/10/2009 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 12/5/2014, từ khi sống ly thân đến nay các con sống với chị.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B; Về con chung chị Thì yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản không yêu cầu giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn B thì:* Tòa án đã nhiều lần gửi Thông báo đến gia đình nhằm tạo điều kiện hoà giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng anh đã vắng mặt không lý do. Qua chứng cứ thu thập được thì anh Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại Tổ 13 ấp V, xã H, huyện C, An Giang; Hiện tại anh Nguyễn Văn B thường xuyên không có mặt tại địa phương, những Thông báo của Tòa án gửi thì gia đình đều ký nhận nhưng đều không có mặt. Vì vậy, Tòa án đã thông qua Thừa phát lại thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để mở phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê T đã thừa nhận có sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn Văn B từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị Lê T xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị Thì và anh B đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, Tòa án nhiều lần mời anh Nguyễn Văn B để hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, vẫn không có mặt. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nên

căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Lê T là được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[3] *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Chị Lê T thừa nhận 02 cháu Nguyễn Quốc M sinh ngày 28/10/2009 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 12/5/2014 là con chung của chị và anh Nguyễn Văn B, đồng thời giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện điều này, do đó cần công nhận 02 cháu Quốc Minh, Bảo Ngọc là con chung của chị Thì và anh B, đồng thời phía chị Lê T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh chị không còn sống chung nữa thì 02 cháu đã sống chung với chị Thì, đồng thời cháu Nguyễn Quốc M cũng có nguyện vọng sống chung với chị và phía anh B không tranh chấp việc nuôi con; Do đó, để ổn định tâm lý và cuộc sống cho các cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê T là được tiếp tục nuôi 02 con chung. Ngoài ra, phía chị Lê T không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

[4] *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do chị Lê T có yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê T là được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 ngày 05/02/2010 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hanh cấp không còn giá trị pháp lý.

* *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Công nhận 02 cháu Nguyễn Quốc M sinh ngày 28/10/2009 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 12/5/2014 là con chung của chị Lê T, anh Nguyễn Văn B.

+ Chị Lê T được nuôi dạy con chung tên Nguyễn Quốc M và Nguyễn Bảo N cho đến tuổi trưởng thành (hiện 02 cháu sống chung với chị Thì); Anh Nguyễn Văn B không cấp dưỡng nuôi con.

+ Chị Lê T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

* *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

* *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Chị Lê T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0006872 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang; Được khấu trừ nên chị Lê T đã nộp xong.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- UBND xã V;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa